

Tổng Duy Tân (Đinh Dậu 1837-Nhâm Thìn 1892)

Tổng Duy Tân (Đinh Dậu 1837-Nhâm Thìn 1892)

Nhà yêu nước cận đại, quê xã Đông Biện, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Năm Canh Ngọ 1870 đỗ cử nhân, năm 1875 đỗ tiến sĩ. Bước đầu làm tri phủ Vĩnh Tường, rồi Đô đốc học Thanh Hóa. Về sau làm Thương biện Tỉnh vụ, đổi sang Chánh sứ Sơn phòng tỉnh Thanh Hóa.

Từ năm 1885, ông hưởng ứng phong trào Cần Vương tham gia khởi nghĩa chống Pháp, trở thành thủ lĩnh kháng chiến tỉnh Thanh Hóa.

Năm Nhâm Thìn 1892, tháng 9 Âm lịch, ông rút quân về hang Nhâm Kỉ (xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa) được một thời gian thì bị học trò cũng là cháu ruột ông là Cao Ngọc Lễ báo cho Pháp vây bắt ông. Chúng kết án tử hình và giết ông ngày 5-10 Âm lịch năm 1892, hưởng dương 55 tuổi.

Trước ngày mất, ông có đôi câu đối:

“Nhị kim thủy liễu tiên sinh trái

Tự cô do truyền bất tử danh”

Nghĩa:

“Món nợ tiên sinh nay mới trả

Cái danh bất tử trước còn truyền”.



Trần Anh Tông (Bính Tí 1276-Canh Thân 1320)

Trần Anh Tông – Trần Thuyên (Bính Tí 1276-Canh Thân 1320)

Vua thứ tư nhà Trần, tên thật là Trần Thuyên, miếu hiệu Anh Tông, con trưởng Trần Nhân Tông (Trần Khâm). Sinh ngày 17-9 Bính Tí (25-10-1276), quê làng Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ông lên ngôi ngày 9-3 Quý Tị (16-4-1293) lúc 17 tuổi. Khi làm vua ông đặc biệt ưu ái các triều thần có công trong cuộc đánh đuổi quân Nguyên Mông và trân trọng sử dụng nhân tài. Việc chính trị, quân sự, văn hóa đời ông đều tiến triển tốt đẹp

Ông ở ngôi 21 năm (1293-1314) theo gương các vua trước mà truyền ngôi cho con, rồi về chẵn việc tu Phật, sáng tác thơ ca.

Ngày 16-3 Canh Thân (21-4-1320) ông mất, hưởng dương 44 tuổi. Có soạn tập:

- Thủy vân tùy bút ngoại tập và các bài.
- Thạch dược châm,
- Pháp sự tân văn,
- Hiệu đính công văn cách thức, nhưng ông đốt bỏ không lưu truyền. Nay chỉ còn 12 tập thơ ghi chép trong Việt âm thi tập:
- Túc hữu Gian Nghị đại phu Trần Thì kiểm hốt minh,
- Vân Tiêu am,
- Tổng Bắc sứ An Lỗ uy Lý Cảnh Sơn,
- Chiêm Thành Hoàn Chu bạc Phúc Thành cảnh,
- Kí Phở Tuệ tôn giả

– Tình dữ lí quan ư chiết ngọc luận, tất cả đều có giá trị nghệ thuật, văn chương trong thời đại.



Trần Đại Nghĩa (1924-1953)

Trần Đại Nghĩa (tên thật: Phạm Quang Lễ; 1913 - 97), một trong số trí thức yêu nước theo Bác Hồ về nước năm 1946, Anh hùng Lao động (1952), kĩ sư quân giới đầu tiên của Việt Nam, cục trưởng đầu tiên Cục Quân giới (1947), kiêm cục trưởng Cục Pháo binh (1949), thiếu tướng (1948). Dân tộc Kinh. Quê: Chấn Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Gia nhập bộ đội (1946), đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (1949), có công lớn trong việc xây dựng ngành quân giới Việt Nam. Trong Kháng chiến chống Pháp, mặc dù kinh tế đất nước còn lạc hậu, không có cơ sở khoa học kĩ thuật, ông đã nghiên cứu, thiết kế và tổ chức sản xuất thành công nhiều loại vũ khí: mìn, đạn, lựu đạn, bom phóng, súng bazôka, súng SKZ. Hiệu trưởng đầu tiên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (1956). Năm 1964, chủ nhiệm Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước; chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Kỹ thuật Nhà nước (1965 - 72), viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô (1966). Viện trưởng Viện Khoa học Việt

Nam (1975 - 83), phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần (1973 - 74) và Tổng cục Kỹ thuật Bộ Quốc phòng (1974 - 77), chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (1983 - 88), đại biểu Quốc hội khoá II, III. Huân chương Hồ Chí Minh. Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).

TaiLieu.vn